

BẢN CHẤT PHÁP LÝ VÀ CƠ CHẾ VẬN HÀNH CỦA KHUNG PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT - THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

TRẦN QUYẾT THẮNG*

Bài viết tập trung phân tích bản chất pháp lý của khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát, xem đây là một cơ chế miễn trừ có điều kiện, thể hiện tư duy quản lý nhà nước linh hoạt và dựa trên thực tiễn. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật trong nước, bài viết chỉ ra những đột phá trong tư duy lập pháp, đồng thời nhận diện, dự báo các hạn chế, thách thức trong triển khai. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực thực thi với mục tiêu đưa khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát trở thành đòn bẩy chiến lược cho kinh tế số quốc gia.

Từ khóa: Khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát; Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025; Nghị định số 94/2025/NĐ-CP; Việt Nam.

This article analyzes the legal nature of the controlled regulatory sandbox framework, viewing it as a conditional exemption mechanism that reflects a flexible, practice-based approach to state management. Based on an analysis of domestic legal regulations, the article identifies breakthroughs in legislative thinking while also recognizing and forecasting implementation limitations and challenges. Accordingly, it proposes solutions to improve the legal framework and enhance enforcement capacity, aiming to transform the controlled regulatory sandbox into a strategic lever for the national digital economy.

Keywords: Controlled regulatory sandbox framework; 2025 Law on Digital Technology Industry; Decree No. 94/2025/ND-CP; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 16/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 08/01/2026 NGÀY DUYỆT: 23/01/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.360.2026.1412>

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển bùng nổ của khoa học - công nghệ trong kỷ nguyên số, đặc biệt trong các lĩnh vực, như: công nghệ tài chính (Fintech), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đã tạo ra một thách thức lớn cho hệ thống pháp luật, được gọi là “vấn đề

về nhịp độ”¹. Tình trạng này xảy ra khi luật pháp truyền thống không thể theo kịp tốc độ đổi mới, dẫn đến sự hình thành các khoảng trống pháp lý. Để giải quyết vấn đề này, khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (viết

* TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

tất là: Sandbox) đã được xác lập như một công cụ chính sách công hiện đại. Đây là một không gian pháp lý an toàn, được thiết kế đặc thù để các doanh nghiệp có thể thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong một môi trường thực tế nhưng có giới hạn về quy mô và thời gian, dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý. Về bản chất, cơ chế này là nỗ lực của Nhà nước nhằm cân bằng mục tiêu: khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo vệ các lợi ích công cốt lõi².

Tại Việt Nam, nhận thức rõ tầm quan trọng của kinh tế số, Đảng và Nhà nước đã xác định việc xây dựng Sandbox là một giải pháp then chốt. Sự ra đời của Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, thiết lập cơ chế Sandbox đầu tiên cho lĩnh vực ngân hàng là bước thể chế hóa quan trọng. Bước tiến này càng được khẳng định mạnh mẽ hơn khi Quốc hội thông qua *Luật Công nghiệp công nghệ số* năm 2025 (viết tắt là *Luật 2025*).

2. Khái niệm và bản chất pháp lý của Sandbox

Sandbox ra đời với triết lý của một công cụ quản trị thích ứng. Thay vì áp đặt các quy định cứng nhắc dựa trên dự báo, Nhà nước chủ động tạo ra một không gian pháp lý an toàn, có kiểm soát để các ý tưởng đổi mới được vận hành trong thực tế.

Mục tiêu của Sandbox là cân bằng giữa việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và việc bảo đảm các mục tiêu quản lý công, như: bảo vệ người tiêu dùng và ổn định thị trường. Quá trình “*thử - học - chỉnh*” này cho phép cơ quan quản lý và doanh nghiệp cùng tham gia định hình chính sách tương lai, chuyển dịch từ việc xây dựng pháp luật dựa trên giả định sang dựa trên bằng chứng³. Về bản chất, cơ chế này tái định hình mối quan hệ giữa cơ

quan quản lý và doanh nghiệp, chuyển từ mô hình giám sát - tuân thủ sang mô hình đối tác - thử nghiệm. Trên cơ sở những phân tích trên, có thể khái niệm: *Sandbox là một khuôn khổ pháp lý do cơ quan quản lý có thẩm quyền thiết lập, cho phép các tổ chức đổi mới sáng tạo thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới trong một môi trường thực tế nhưng có giới hạn (về phạm vi, quy mô, thời gian) và dưới sự giám sát chặt chẽ.*

Thứ nhất, Sandbox dưới góc độ miễn trừ áp dụng các quy phạm mệnh lệnh và cấm đoán. Hệ thống pháp luật, đặc biệt trong các lĩnh vực được quản lý chặt chẽ (ví dụ: tài chính, y tế) được cấu thành bởi các quy phạm mệnh lệnh (bắt buộc thực hiện) và quy phạm cấm đoán (không được thực hiện). Các quy phạm này thường cứng nhắc để bảo đảm sự ổn định và phòng ngừa rủi ro. Các mô hình đổi mới sáng tạo do tính mới lạ, thường không đáp ứng được hoặc thậm chí xung đột trực tiếp với các quy phạm hiện hành này⁴.

Khi tham gia Sandbox, doanh nghiệp thực chất nhận được một sự tạm hoãn hoặc đình chỉ áp dụng một số quy định cụ thể. Về mặt hình thức, đây là sự miễn trừ trách nhiệm pháp lý (hành chính hoặc các trách nhiệm khác) mà lẽ ra họ phải gánh chịu nếu hoạt động bên ngoài Sandbox. Tuy nhiên, đây không phải là một ngoại lệ pháp lý thông thường hay sự tùy nghi hành chính đơn thuần. Sự miễn trừ trong Sandbox mang tính đặc thù cao: nó luôn ở trạng thái tạm thời, có giới hạn nghiêm ngặt và đi kèm với sự giám sát chủ động từ cơ quan quản lý. Về mặt pháp lý hành chính, việc cấp miễn trừ này phải dựa trên thẩm quyền rõ ràng được pháp luật quy định, bảo đảm không vi phạm nguyên tắc pháp chế⁵.

Thứ hai, Sandbox về bản chất là một cơ chế thử nghiệm chính sách. Đây là điểm

then chốt để khẳng định tính đặc thù của Sandbox. Sự miễn trừ pháp lý không phải là mục đích tự thân mà là công cụ kỹ thuật để thực hiện mục tiêu cao hơn: thử nghiệm chính sách và thực nghiệm lập pháp⁶.

Trong bối cảnh công nghệ phát triển quá nhanh, các nhà làm luật không thể dự đoán hết các tác động của mô hình mới. Sandbox thể hiện sự chuyển dịch trong triết lý quản lý: từ mô hình quản lý tiền kiểm cứng nhắc sang mô hình quản lý thích ứng và dựa trên bằng chứng. Sandbox hoạt động như một “phòng thí nghiệm chính sách”. Thông qua việc giám sát và thu thập dữ liệu thực tế trong môi trường được kiểm soát, cơ quan quản lý thực hiện quá trình “học thông qua thực hành” (learning by doing). Kết quả thử nghiệm sẽ là cơ sở thực tiễn để quyết định liệu có nên sửa đổi pháp luật hiện hành để chính thức hóa mô hình đổi mới hay không⁷.

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về Sandbox

Quá trình hình thành khung pháp lý về Sandbox bắt nguồn từ các định hướng chiến lược của Chính phủ, tiêu biểu là Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, giao Ngân hàng Nhà nước chủ trì nghiên cứu và xây dựng khung thí điểm, đặc biệt là liên quan đến tiền điện tử dựa trên Blockchain. Tiếp theo đó, Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 06/9/2021 của Chính phủ đã phê duyệt việc xây dựng nghị định về cơ chế Sandbox trong lĩnh vực ngân hàng, tạo tiền đề trực tiếp cho sự ra đời của Nghị định số 94/2025/NĐ-CP. Sự chuyển đổi từ các nghị quyết định hướng sang văn bản quy phạm pháp luật chính thức đã đánh dấu một bước ngoặt, khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc xây dựng một hệ sinh thái FinTech minh bạch và ổn định.

Mục tiêu chính sách của Nghị định số 94/2025/NĐ-CP là vừa tạo môi trường thử nghiệm để đánh giá rủi ro, chi phí và lợi ích

của các giải pháp FinTech, vừa hạn chế tối đa rủi ro có thể phát sinh đối với khách hàng. Phạm vi áp dụng được giới hạn một cách có chủ đích trong lĩnh vực ngân hàng và chỉ bao gồm ba nhóm giải pháp FinTech, cụ thể: *cho vay ngang hàng* (P2P lending), *chia sẻ dữ liệu thông qua Open API* và *chấm điểm tín dụng*. Việc lựa chọn giới hạn phạm vi cho thấy, Ngân hàng Nhà nước đang áp dụng một chiến lược quản lý rủi ro thận trọng. Bằng cách này, Ngân hàng Nhà nước tạo ra một “hộp cát” chứa rủi ro có thể tính toán được, ưu tiên thu thập dữ liệu thực nghiệm từ các mô hình đã gây tranh cãi pháp lý trước khi tiến hành thiết lập quy định chính thức.

Luật 2025 cũng tạo ra căn cứ pháp lý cần thiết để mở rộng cơ chế Sandbox ra ngoài lĩnh vực ngân hàng, sang các lĩnh vực công nghệ số khác. Sự hiện diện của *Luật 2025* bảo đảm Việt Nam sẽ chuyển đổi từ mô hình Sandbox tài chính hẹp sang mô hình Sandbox công nghiệp số toàn diện trong dài hạn. Điều này tạo ra sự đồng bộ, thống nhất và một tầm nhìn dài hạn, biến Sandbox thành một công cụ chính sách chiến lược để thúc đẩy chương trình “*Make in Vietnam*” và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ cụ thể của *Luật 2025* được thống kê tại *Bảng 1 (xem cuối bài)*.

Việc ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP, *Luật 2025* và các văn bản liên quan đã đề cập ở trên là những bước tiến pháp lý mang tính đột phá, thể hiện sự thay đổi căn bản trong tư duy quản lý nhà nước. Điều này được thể hiện thông qua một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, các văn bản này đã tạo ra một hành lang pháp lý an toàn và chính thức cho các hoạt động đổi mới, chuyển các mô hình kinh doanh từ “vùng xám” đầy rủi ro sang “vùng sáng” được pháp luật thừa nhận và bảo vệ có điều kiện.

Thứ hai, cơ chế Sandbox có tác động đặc biệt quan trọng trong việc chính danh hóa và

làm minh bạch hóa thị trường cho vay ngang hàng, giúp sàng lọc các công ty hoạt động chân chính với các mô hình tín dụng đen trá hình. Bằng cách đặt ra các điều kiện tham gia và quy tắc hoạt động rõ ràng, Sandbox góp phần lành mạnh hóa thị trường, bảo vệ người vay và nhà đầu tư.

Thứ ba, Sandbox được kỳ vọng sẽ trở thành đòn bẩy thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tài chính toàn diện, tạo động lực buộc các ngân hàng thương mại phải năng động hơn trong việc hợp tác với các công ty công nghệ tài chính, đặc biệt qua kênh giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành Ngân hàng (Open API) để tối ưu hóa chuỗi giá trị và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Bên cạnh những tác động tích cực, cơ chế Sandbox tại Việt Nam còn tồn tại những khoảng trống pháp lý và dự báo gặp nhiều thách thức trong thực thi.

Một là, khung khổ pháp lý về Sandbox ở Việt Nam vẫn còn đang ở giai đoạn tiền khởi, nhiều vấn đề liên quan đến Sandbox chưa được thể chế hóa, các nghị định và thông tư hướng dẫn vẫn chưa được ban hành. Điều này tạo ra nguy cơ về sự không đồng bộ và tính khả thi khi triển khai. Đồng thời, cơ chế thực thi pháp luật về vấn đề này dự báo cũng sẽ gặp nhiều trở ngại vì mới và chưa có tiền lệ.

Hai là, mâu thuẫn chính sách trong việc thu hút nguồn lực. Quy định tại Nghị định số 94/2025/NĐ-CP về việc hạn chế 100% vốn đầu tư nước ngoài đối với các công ty cho vay ngang hàng tham gia Sandbox là một rào cản lớn. Cách tiếp cận “đóng để quản lý” này, dù có thể xuất phát từ lo ngại về an ninh nhưng tiềm ẩn nguy cơ làm giảm tính cạnh tranh và triệt tiêu động lực đổi mới do thiếu vốn và công nghệ, làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

Ba là, còn tồn tại khoảng trống pháp lý về “chiến lược lối ra”. Cả Nghị định số 94/2025/NĐ-CP và Luật 2025 vẫn chưa có quy

định chi tiết nào về một quy trình “tốt nghiệp” cho các doanh nghiệp thử nghiệm thành công. Sự thiếu vắng một “lối ra” rõ ràng này tạo ra sự bất định pháp lý rất lớn, làm giảm động lực của các doanh nghiệp khi phải đầu tư vào một quá trình không biết kết quả cuối cùng sẽ đi về đâu.

Bốn là, thách thức về năng lực và văn hóa quản lý của cơ quan nhà nước. Vận hành Sandbox đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong tư duy, chuyển từ vai trò “người kiểm soát” sang người “đồng hành và kiến tạo”. Điều này yêu cầu đội ngũ cán bộ không chỉ am hiểu pháp luật mà còn phải có chuyên môn sâu về công nghệ, mô hình kinh doanh số và quản trị rủi ro, cùng với một cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả.

4. Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Cần sớm xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý toàn diện cho Sandbox. Đối với Việt Nam, thách thức lớn nhất nằm ở việc xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết cho Luật 2025. Do đó, cần thiết lập các cơ chế phối hợp liên ngành và ban hành các nghị định hướng dẫn dưới Luật 2025 để hiện thực hóa tiềm năng của Sandbox đa ngành, bảo đảm sự đồng bộ và tránh sự trì trệ trong đổi mới công nghệ ngoài lĩnh vực ngân hàng.

Cần xây dựng một chuẩn đầu ra cho Sandbox. Theo nghiên cứu tổng hợp từ OECD về hiệu quả của các cơ chế sandbox trên toàn cầu, những quốc gia có quy định rõ ràng về “lối ra” sau thử nghiệm có tỷ lệ thành công cao hơn 35% so với những nơi chỉ tập trung vào quy trình đầu vào⁸. Do đó, cần xác lập một tiêu chuẩn “tốt nghiệp” cho các doanh nghiệp tham gia Sandbox. Mô hình Singapore yêu cầu doanh nghiệp trình bày “chuẩn đầu ra” ngay trong hồ sơ đăng ký, tạo ra sự rõ ràng về mặt kỳ vọng và trách nhiệm⁹. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp có

tầm nhìn dài hạn mà còn giúp cơ quan quản lý có cơ sở để đánh giá tính khả thi của dự án.

Đơn giản hóa thủ tục tham gia Sandbox. Việt Nam cần tham khảo mô hình Sandbox của Australia với cơ chế “thông báo”. Thay vì phải nộp đơn xin phê duyệt, các công ty tự đánh giá xem mình có đủ điều kiện hay không, sau đó chỉ cần gửi thông báo cho Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Australia¹⁰. Tuy nhiên, sự đơn giản thủ tục phải được bảo đảm bằng một cơ chế giám sát mạnh cùng trách nhiệm giải trình công khai và minh bạch ở cả phía chủ thể quản lý và doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao năng lực thực thi.

Cần sớm xây dựng một cơ chế phối hợp thực thi giữa các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở xây dựng một hệ thống dữ liệu đồng bộ có quyền truy cập chung với sự hiện diện của các nhân viên điều phối. Mô hình “nhân viên điều phối” của Vương quốc Anh đại diện cho một cách tiếp cận cá nhân hóa trong quản lý Sandbox¹¹. Mỗi nhân viên không chỉ là người xử lý hồ sơ mà còn là người cố vấn, hỗ trợ doanh nghiệp điều hướng trong môi trường pháp lý phức tạp.

Tăng cường đào tạo “thực chiến” và có chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ thực thi để bảo đảm năng lực và lợi ích tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Do đó, việc xây dựng chế độ đãi ngộ cạnh tranh và môi trường làm việc hấp dẫn là điều kiện tiên quyết để thành công. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải cân nhắc cải cách toàn diện hệ thống trả lương trong khu vực công, ít nhất là đối với những vị trí đòi hỏi chuyên môn cao.

Cần xây dựng văn hóa làm việc khuyến khích, kiến tạo đổi mới sáng tạo. Mục tiêu cuối cùng của Sandbox là tạo ra cái nôi nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo. Do đó, trước hết bản thân nó phải là một môi trường điều phối của đổi mới sáng tạo. Muốn vậy, các chủ thể có thẩm quyền phải có giải pháp xây dựng văn hóa làm việc khuyến khích, kiến tạo cho đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, phân tích tính khả thi và dự báo tác động trong bối cảnh Việt Nam.

Việt Nam có lợi thế về thị trường và quyết tâm chính trị nhưng cần thận trọng về khả năng hấp thụ vốn. Các điều kiện thuận lợi, bao gồm: thị trường hơn 100 triệu dân, tốc độ số hóa nhanh và sự ủng hộ mạnh mẽ từ lãnh đạo, thể hiện qua Luật 2025. Mặc dù nghiên cứu quốc tế ước tính việc tham gia Sandbox có thể giúp các công ty Fintech tăng 15% vốn huy động và 50% xác suất gọi vốn thành công cần lưu ý rằng dữ liệu này phải dựa trên thị trường phát triển¹². Tại Việt Nam, nơi thị trường vốn còn non trẻ và nhà đầu tư còn thận trọng, tác động thực tế có thể khác biệt đáng kể.

Chi phí thực thi cần được tối ưu hóa thông qua mô hình hợp tác hiệu quả. Tổng chi phí thiết lập và vận hành Sandbox trong 5 năm đầu ước tính dao động từ 300 - 500 tỷ VNĐ¹³. Việc chỉ dựa vào ngân sách nhà nước là không khả thi và tạo nhiều áp lực. Kinh nghiệm từ các nước ASEAN cho thấy, mô hình có sự tham gia của khu vực tư nhân (đối tác công - tư) giúp giảm chi phí 30 - 40% và tăng hiệu quả vận hành nhờ tận dụng chuyên môn thị trường¹⁴. Đây là mô hình Việt Nam nên ưu tiên xem xét.

Tác động dài hạn phụ thuộc vào tính bền vững của cam kết chính trị và sự phối hợp chính sách. Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, Sandbox có tiềm năng thúc đẩy tài chính toàn diện và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận vốn. Tuy nhiên, để hiện thực hóa điều này cần sự phối hợp đồng bộ với các chính sách cải cách hệ thống ngân hàng và phát triển thị trường vốn. Thách thức lớn nhất là duy trì động lực và cam kết trong dài hạn, tránh tình trạng các sáng kiến mất đi sự ưu tiên khi gặp khó khăn hoặc thay đổi lãnh đạo. Do đó, việc thể chế hóa Sandbox bằng các cơ chế khuyến khích lâu dài và đo lường hiệu quả minh bạch là yếu tố then chốt.

5. Kết luận

Sandbox không chỉ là giải pháp tình thế cho công nghệ tài chính mà cần được nhìn nhận như một công cụ chính sách chiến lược cho toàn bộ nền kinh tế số. Để Sandbox thực sự trở thành đòn bẩy cho đổi mới sáng tạo, Việt Nam cần tập trung nguồn lực để triển khai hiệu quả Luật 2025. Chặng đường phía trước đòi hỏi sự điều chỉnh chính sách liên tục, nâng cao năng lực của các cơ quan công quyền và hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp để tận dụng tốt nhất cơ hội từ cuộc cách mạng công nghệ toàn cầu

Chú thích:

1. Jenik, I., & Duff, S. (2020). *How to Build a Regulatory Sandbox: A Practical Guide for Policymakers*. CGAP

2. Sovereign Group (2024). *MAS Enhances FinTech Regulatory Sandbox with Sandbox Plus*. Sept, 19, 2024.

3. Watkinson, I., et al. (2023). *Escaping the Middle Income Trap: Fintech Regulatory Reform in Vietnam*, GLA1011H White Paper 2023-02.

4. Docquier, F., & Rapoport, H. (2011). *Globalization, brain drain and development*. Harvard Kennedy School Working Paper Series, 219. Retrieved from

5. ScaleUp Institute(2020). *FCA Regulatory Sandbox: World-leading programme breaking down regulatory barriers*. Annual Review 2020,

6. Financial Conduct Authority (FCA) (2015). *Regulatory Sandbox*. London: FCA.

7. Zetzsche, D. A, et al. (2017). *Regulating a Revolution: From Regulatory Sandboxes to Smart Regulation*. Fordham Journal of Corporate & Financial Law, 23(1), 31-103.

8. OECD. (2018). *OECD Regulatory Policy Outlook 2018*. Paris: OECD Publishing.

9. World Bank (2020). *Global Experiences From Regulatory Sandboxes*

10. Clifford Chance (2017). *Growing the Sandbox - Australia's Enhanced Fintech Regulatory Sandbox*. Briefing Paper, October 2017.

11. Allen, H. J. (2019). Regulatory Sandboxes. *The George Washington Law Review*, 87(3), 579 - 644.

12. World Bank Group (2023). *Opportunities and challenges for Vietnam in financial sector reform*. Vietnam Country Assessment, August.

13. UNDP (2016). *Developing capacity through technical cooperation: Country experience*. United Nations Development Programme.

14. UNDP Vietnam (2023). *Coordination mechanisms report: Inter-agency coordination challenges in Vietnam*. United Nations Development Programme.

Bảng 1. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025

Loại ưu đãi	Chi tiết
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế suất 5% trong 37 năm; miễn 6 năm, giảm 50% trong 13 năm tiếp theo cho các dự án có vốn từ 6.000 tỷ đồng
Chi phí R&D	Được trừ 200% chi phí thực tế khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp
Tiền thuê đất	Miễn tiền thuê lên đến 22 năm và giảm 75% cho thời gian còn lại
Hạ tầng dùng chung	Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu, phòng thí nghiệm, khu công nghệ số tập trung
Chính sách “make in Vietnam”	Ưu tiên sản phẩm công nghệ số nội địa trong mua sắm công; hỗ trợ 50% kinh phí mua công nghệ cho startup

Nguồn: Tổng hợp từ các quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025.